

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 9 - 2020

Về việc Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 517/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2020/QĐST-HGND, ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Như Q; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đình, thôn T, xã K, huyện T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn 13, xã H, huyện T, thành phố H; Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hà Huy T; Nơi cư trú: Xóm Đình, thôn T, xã K, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như Q trình bày: Chị và anh Hà Huy T kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 16 tháng 9 năm 2015, sau khi cưới vợ chồng về ăn ở cùng gia đình anh Hà Huy T tại xóm Đình, thôn T, xã K, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống sau khi kết hôn được vài tháng vợ chồng

bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong quá trình chung sống vợ chồng không tin tưởng nhau nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm nhau, chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 13, xã H, huyện T, thành phố H sinh sống từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm nhau, nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Huy T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Hà Huy T có 01 con chung tên Hà M, sinh ngày 12/6/2015, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn chị Q đề nghị được tiếp tục nuôi con chung.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về T sản chung: Chị và Hà Huy T trình bày vợ chồng không có T sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Huy T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho anh Hà Huy T biết việc chị Nguyễn Thị Như Q xin ly hôn, song anh Hà Huy T không đến Tòa án trình bày quan điểm và cũng không có văn bản, giấy tờ nào gửi đến Tòa án trình bày ý kiến về việc chị Nguyễn Thị Như Q xin ly hôn. Do vậy căn cứ theo quy định của pháp luật Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Hà Huy T biết, tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Hà Huy T vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như Q.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, các đương sự trong vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh Hà Huy T vắng mặt nên chưa chấp hành đúng pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 92, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như Q tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hà Huy T; Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Hà Huy T; Về con chung: Giao con chung tên Hà M, sinh ngày 12/6/2015, cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q trình bày đề hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không

xem xét giải quyết; Về T sản chung: Chị Nguyễn Thị Như Q trình bày vợ chồng không có T sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Các T liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Như Q; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K và Công an xã K, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hà Huy T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Hà Huy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 16/9/2015 là hôn nhân hợp pháp. T liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ nhau, do mâu thuẫn căng thẳng không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau một thời gian dài và đã không còn quan tâm nhau. Nay chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Huy T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc chị Q xin ly hôn, song anh T đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Hà Huy T, tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Hà Huy T vẫn vắng mặt không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như Q, điều đó thể hiện anh T không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Như Q trầm trọng khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như Q, cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Hà Huy T.

[3] Về con chung

Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Hà Huy T có 01 con chung tên Hà M, sinh ngày 12/6/2015, khi ly hôn chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Hà Huy T vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. T liệu, chứng cứ thể hiện kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung tên Hà M do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt mọi mặt, vì vậy cần tiếp tục giao con chung tên Hà M, sinh ngày 12/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Như Q trình bày đề chị và anh Hà Huy T tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

[4] Về T sản chung

Chị Nguyễn Thị Như Q trình bày vợ chồng không có T sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn anh Hà Huy T vắng mặt chưa có ý kiến trình bày về T sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 92, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Hà Huy T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hà M, sinh ngày 12/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002139, ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Chị Nguyễn Thị Như Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga Phạm Văn Sóng

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã K, huyện T;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

